

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 21-4-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN BẾN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Châu PH.

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 02/2020/TB-TA ngày 08 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn R, sinh năm 1953 và bà Võ Thị T, sinh năm: 1957, cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 01, ấp TP, thị trấn MC, Huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Quan Thị Cẩm H, sinh năm: 1940, ông Ngô Quan B, sinh năm: 1978 và ông Ngô Minh B, sinh năm: 1981, cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 06, khu phố 7, thị trấn MC, Huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông R, bà T, bà H, ông Quan B có mặt; ông Minh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2019, bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Văn R và bà Võ Thị T cùng trình bày:

Do là chỗ quen biết nhau nên ngày 06/11/2015 (âm lịch) ông bà có cho bà Quan Thị Cẩm H cùng hai con của bà H là Ngô Quan B và Ngô Minh B vay số tiền 458.000.000 đồng, mục đích vay tiền để trả nợ, thời gian trả tiền là khi nào ông bà muốn lấy lại tiền sẽ báo trước 30 ngày cho bên vay biết, hai bên thỏa Tận lãi suất là 11%/năm, khi nhận tiền bà H và hai con đều có ký tên vào tờ hợp đồng mượn tiền.

Đến ngày 08/5/2017, các bên xác nhận nợ thông qua giấy thỏa Tận vay tiền có chữ ký của bà H, ông Quan B và ông Minh B, theo đó bà H có trả cho ông bà số tiền gốc là 58.000.000 đồng; tiền lãi hai bên thống nhất tính từ ngày 06/11/2015 (âm lịch) đến ngày 08/5/2017 (dương lịch) là 80.150.000 đồng, bà H đã trả được tổng số tiền lãi là 30.150.000 đồng. Như vậy, số tiền mà bà H và hai con của bà H còn nợ lại ông bà là: Tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 06/11/2015 (âm lịch) đến ngày 08/5/2017 (dương lịch) là 50.000.000 đồng, ông bà đã nhiều lần yêu cầu phía bà H trả nợ nhưng phía bà H vẫn không thực hiện.

Do đó, nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Quan Thị Cẩm H, ông Ngô Quan B và ông Ngô Minh B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi tính từ 06/11/2015 (âm lịch) đến ngày 08/5/2017 (dương lịch) còn nợ lại là 50.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 09/5/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0.83%/tháng (thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, trước đây yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 08/5/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2019 và tại phiên tòa, bị đơn bà Quan Thị Cẩm H trình bày:

Do là chỗ quen biết nên bà có vay tiền của ông Trần Văn R và bà Võ Thị T nhiều lần, số tiền vay cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, mục đích vay tiền để trả nợ ngân hàng và các khoản nợ khác, thời gian trả tiền là khi nào ông R, bà T muốn lấy lại tiền thì báo trước cho bà 30 ngày, khi vay tiền thì bà có đóng tiền lãi cho bà T, ông R như do thời gian đã lâu nên bà không nhớ số tiền lãi đã đóng, mức lãi suất là bao nhiêu. Mỗi lần trả tiền gốc và tiền lãi thì giữa bà và bà T, ông R chỉ nói miệng, không có lập biên bản về việc giao nhận tiền.

Bà là người trực tiếp vay và nhận tiền từ bà T, ông R nhưng hai con của bà có biết việc bà vay tiền; chữ ký và chữ viết trong “Tờ hợp đồng mượn tiền” ngày 06/11/2015 (âm lịch) và “Giấy biên nhận thỏa Tận vay tiền” ngày 08/5/2017 là của bà và hai con của bà là Ngô Quan B và Ngô Minh B.

Do bà đã trả hết nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và ông R.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Quan B trình bày:

Ông là con của bà Quan Thị Cẩm H, ông không có vay tiền của Trần Văn R và bà Võ Thị T nhưng ông có biết việc bà H vay của ông R, bà T số tiền 458.000.000 đồng, tuy nhiên ông không biết về mục đích vay tiền, lãi suất vay cũng như việc đóng tiền lãi và trả tiền gốc giữa các bên. Chữ ký và chữ viết trong “Tờ hợp đồng mượn tiền” ngày 06/11/2015 (âm lịch) và “Giấy biên nhận thỏa Tận vay tiền” ngày 08/5/2017 là chữ viết và chữ ký của ông, ông ký tên vào các giấy nêu trên với tư cách là con của bà H.

Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông R, bà T nhưng xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Do bị đơn là ông Ngô Minh B vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R và bà T, buộc bà H, ông Quan B và ông Minh B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông R và bà T số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/5/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Trần Văn R và bà Võ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa ông bà với bà Quan Thị Cẩm H, ông Ngô Quan B và ông Ngô Minh B có cùng nơi cư trú tại khu phố 7, thị trấn MC, Huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Ngô Minh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ngô Minh B.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Ông Trần Văn R, bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Quan Thị Cẩm H, ông Ngô Quan B và ông Ngô Minh B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 400.000.000 đồng.

Nguyên đơn căn cứ vào “Tờ hợp đồng mượn tiền” ngày 06/11/2015 (âm lịch) và “Giấy biên nhận thỏa Tận vay tiền” ngày 08/5/2017 có chữ ký của các bị đơn để khởi kiện. Bà H thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần nhưng không nhớ rõ thời gian vay; đồng thời, bà H cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong các giấy nêu trên là của bà. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận, không phải chứng minh, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bà H cho rằng đã thanh toán hết nợ cho nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán nợ đối với nguyên đơn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc cung cấp chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu về việc áp dụng pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Do đó, căn cứ vào “Tờ hợp đồng mượn tiền” ngày 06/11/2015 (âm lịch) và “Giấy biên nhận thỏa Tận vay tiền” ngày 08/5/2017 thì bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông R và bà T, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho ông R và bà T số tiền vay là 400.000.000 đồng.

Ông R và bà T yêu cầu ông Ngô Quan B, ông Ngô Minh B có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả số tiền vay 400.000.000 đồng. Xét thấy, bà H và ông Quan B đã thừa nhận chữ ký trong các giấy nợ là của ông Ngô Quan B, và Ngô Minh B, đồng thời ông Quan B, ông Minh B có biết việc bà H vay tiền của ông R và bà T và tại phiên tòa ông Quan B đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông R, bà T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông R và bà T là có cơ sở chấp nhận, buộc ông Quan B và ông Minh B có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả số tiền 400.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi gồm: Tiền lãi từ ngày 06/11/2015 (âm lịch) đến ngày 08/5/2017 là 50.000.000 đồng (số tiền này các bên đã thỏa Tận với nhau) và tiền lãi từ ngày 09/5/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (là 35 tháng 12 ngày) với mức lãi suất 0.83%/tháng số tiền 117.528.000 đồng. Căn cứ theo thỏa Tận, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp có cơ sở chấp nhận, buộc bà H, ông Quan B và ông Minh B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông R và bà T tổng số tiền lãi là 167.528.000 đồng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, ông Quan B và ông Minh B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.701.120 đồng. Tuy nhiên, bà H Tộc trưởng hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên bà H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.900.373 đồng.

Hoàn trả lại cho ông R và bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.992.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn R và bà Võ Thị T.

Buộc bà Quan Thị Cẩm H, ông Ngô Quan B và ông Ngô Minh B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn R và bà Võ Thị T số tiền 567.528.000 đồng (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 167.528.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Quan Thị Cẩm H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Buộc ông Ngô Quan B và ông Ngô Minh B có nghĩa vụ liên đới chịu 17.800.746 đồng (Mười bảy triệu tám trăm nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

Trả lại cho ông Trần Văn R và bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí là 12.992.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai T số 0008057 ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Huyện M;
- Chi cục THADS Huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

